

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 31/7/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Sơn Lạng;

2. Bà H Loan Ưông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 19/6/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ dân phố 1, xã L, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Ngọc S, sinh năm 1980 và bà Hoàng Thị Ngọc D, sinh năm 1985, cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:**

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 bà Trần Thị Thu T có cho vợ chồng ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D vay số tiền tổng cộng 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) với lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn vay là 20 ngày thì phải hoàn trả lại toàn bộ tiền gốc và tiền lãi đã vay. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền ghi tay mà bà T dùng làm căn cứ khởi kiện ông S, bà D và đã cung cấp cho Tòa án bản phô tô, vì bản gốc đã bị thất lạc, nội dung giấy vay tiền do ông S là người trực tiếp viết và sau khi nhận đủ tiền được bà T chuyển qua số tài khoản 5211999456789 mở tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông

thôn huyện Lắc thì bà D và ông S ký ghi họ tên vào phần người vay. Khi vay chỉ có người vay là vợ chồng ông S, bà D, người cho vay là bà T chứ không có ai làm chứng và cũng không cầm cố, thế chấp bất cứ tài sản gì. Đến hạn trả nợ và cho đến nay vợ chồng ông S, bà D chưa thanh toán khoản tiền gốc và tiền lãi nào cho bà Thảo, mặt dù bà đã liên hệ và yêu cầu trả nhưng bị đơn vẫn không trả và cố tình lẩn tránh.

Do vi phạm nghĩa vụ về thời hạn cam kết trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S và bà D phải trả lại toàn bộ tổng cộng số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm/số tiền gốc kể từ ngày vay 13/7/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác và không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc D trình bày:**

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 vợ chồng ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D có vay của bà Trần Thị Thu T số tiền gốc tổng cộng 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 20 ngày thì phải hoàn trả lại toàn bộ tiền gốc và tiền lãi đã vay. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền ghi tay mà bà T dùng làm căn cứ khởi kiện ông S, bà D và đã cung cấp cho Tòa án là bản phô tô, bà D thừa nhận nội dung giấy vay tiền người trực tiếp ký là do bà D và ông S ký ghi họ tên vào phần người vay. Đến hạn trả nợ và cho đến nay vợ chồng ông S, bà D đã thanh toán cho bà Thảo 15.000.000 đồng tiền lãi, khi trả thì hai bên không viết giấy tờ, tài liệu, chứng cứ gì cho việc trả này nên không có để nộp cho Tòa án, còn tiền gốc vợ chồng ông S, bà D vẫn chưa thanh toán khoản nào cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc đã vay thì vợ chồng ông S, bà D đồng ý, còn đối với tiền lãi thì không đồng ý.

*** Đối với bị đơn ông Võ Ngọc S:**

Tòa án đã thông báo, triệu tập ông Võ Ngọc S tham gia tố tụng để giải quyết việc tranh chấp nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều vắng mặt. Tại các phiên tòa cũng không có mặt nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

* Tại công văn số 194/NHNo.Lak-KTNQ ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Lắc xác định nội dung: Vào lúc 18 giờ 31 phút 38 giây ngày 13 tháng 7 năm 2023 số tài khoản 5211999456789, chủ tài khoản là ông Võ Ngọc S, địa chỉ: Thôn Hòa Bình 3, xã Đăk L, huyện L, tỉnh Đăk Lăk có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ số tài khoản 6366899999 mở tại BIDV của chủ tài khoản là bà Trần Thị Thu T.

* Tại công văn số 39/CAX-CCTT-CSKV ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Công an xã Đ, tỉnh Đăk Lăk xác định ông Võ Ngọc S, sinh ngày 02/8/1980 có số CCCD 066080010312 và bà Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 06/01/1985 có số CCCD 066185001634 là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Hòa Bình 1, xã Đăk L, tỉnh Đăk Lăk.

* HĐXX đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thì

nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả lại tổng cộng số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm kể từ ngày vay 13/7/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk phát biểu:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Theo giấy vay tiền ngày ghi 13/7/2023, lời khai của bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc D và công văn số 194/NHNo.Lak-KTNQ ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Lắk xác định bị đơn ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D có vay của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T số tiền gốc 50.000.000 đồng, không ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, thời hạn trả là 20 ngày. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền, bị đơn cho rằng đã trả số tiền lãi 15.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng và lãi suất trong hạn 10%/năm và quá hạn 15%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo “giấy vay tiền” ghi ngày 13/7/2023 do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của đương sự có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc tổng cộng là 50.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, thời hạn vay là 20 ngày, cho đến nay đã

quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả khoản tiền nào cho nguyên đơn. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận như đã cam kết làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện và bị đơn cư trú tại thôn Hòa Bình 1, xã Đăk L, huyện L, (nay là xã Đ), tỉnh Đăk Lăk nên vụ án thuộc quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lăk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đăk Lăk) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp để giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có mặt thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc D có mặt còn ông Võ Ngọc S vắng mặt nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Tại phiên tòa lần hai các bị đơn đều tiếp tục vắng mặt không có lý do, vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự; không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Theo giấy ghi nội dung “giấy vay tiền” mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn (bút lục số 02) và lời khai của nguyên đơn, bị đơn bà Hoàng Thị Ngọc D và công văn số 194/NHNo.Lak-KTNQ ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Lăk (bút lục số 25) xác định: Vào ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 50.000.000 đồng, không có ghi lãi suất nhưng hai bên xác định là có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, thời hạn vay 20 ngày. Đến thời hạn trả nợ và cho đến nay nguyên đơn cho rằng bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền gốc đã vay cho nguyên đơn, bị đơn bà D cũng thừa nhận sự việc này nên quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Đối với bị đơn ông Võ Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng mà không có ý kiến phản hồi gì, còn bà D cho rằng đã trả 15.000.000 đồng tiền lãi cho nguyên đơn, chỉ còn nợ tiền gốc nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên HĐXX không có căn cứ để xem xét. Căn cứ vào giấy vay tiền có ghi số căn cước công dân là 066080010312 và công văn số 39/CAX-CCTT-CSKV ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Công an xã Đ, tỉnh Đăk Lăk xác định số căn cước công dân cùng là một người đứng tên ông Võ Ngọc S. Do đó HĐXX xác định vào ngày 13 tháng 7 năm 2023 bị đơn ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D có vay của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu T số tiền gốc 50.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, thời hạn trả nợ là 20 ngày. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng

bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bị đơn ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thu T tổng số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

[4] Đối với tiền lãi: Theo nội dung giấy vay tiền không có ghi thỏa thuận tiền lãi nhưng theo lời khai giữa các bên thì hai bên có thỏa thuận tiền lãi nên HĐXX xác định trường hợp vay tiền giữa các đương sự là vay có lãi suất nhưng không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp, do đó áp dụng điểm a và điểm b khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết về tiền lãi đến hạn chưa trả là 20 ngày kể từ ngày vay 13/7/2023 và tiền lãi chậm trả là 729 ngày kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/7/2025 như sau:

- Tiền lãi đến hạn chưa trả: Tiền nợ gốc 50.000.000 đồng x 10% x 20 ngày/365 ngày = 274.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Tiền nợ gốc 50.000.000 đồng x 15% x 729 ngày/365 = 14.979.000 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Vậy ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thu Thảo tổng cộng số tiền 65.253.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền nợ lãi đến hạn chưa trả 274.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 14.979.000 đồng.

[6] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[6.1] Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 65.253.000 đồng x 5% = 3.262.000 đồng,

[6.2] Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 6 - Đắk Lắk).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 160, 161, 162, 180, 203, 220, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

- Buộc ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Thu T tổng cộng số tiền 65.253.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), tiền nợ lãi đến hạn chưa trả 274.000 đồng (*hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 14.979.000 đồng (*mười bốn triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng*)

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về án phí: Buộc ông Võ Ngọc S và bà Hoàng Thị Ngọc D phải chịu 3.262.000 đồng (*ba triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tạm ứng án phí: Bà Trần Thị Thu T được nhận lại 1.625.000 đồng (*một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, nay là phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 6 - Đắk Lắk theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0014805 ngày 18 tháng 02 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 6 - Đắk Lắk;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường